HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2021/NQ-HĐND	*Phú Yên, ngày 11 tháng 8 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Yên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 15 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số 40/TTr-UBND, ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về ban hành nghị quyết về Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức hỗ trợ mai táng phí, mức trợ giúp xã hội khẩn cấp và mức trợ cấp đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Đối tượng áp dụng

Người hưởng chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên hàng tháng tại cộng đồng; người nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng; cá nhân, hộ gia đình được trợ giúp xã hội khẩn cấp tại cộng đồng, đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội; cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Phú Yên là 360.000 đồng/tháng.

2. Hỗ trợ mai táng phí: Mức hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 bằng 20 lần mức chuẩn giúp trợ cấp xã hội (20 lần x 360.000 đồng). Trường hợp đối tượng quy định tại Khoản 2 điều này được hỗ trợ chi phí mai táng quy định tại nhiều văn bản khác nhau với các mức khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

3. Mức trợ giúp xã hội khẩn cấp:

a) Người bị thương nặng do thiên tai, hỏa hoạn; tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc do các lý do bất khả kháng khác tại nơi cư trú được hỗ trợ với mức bằng 10 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội (10 lần x 360.000 đồng).

b) Hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn; dịch bệnh, tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc do các lý do bất khả kháng khác được hỗ trợ chi phí mai táng với mức bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội (50 lần x 360.000 đồng).

c) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không còn nơi ở thì được hỗ trợ chi phí làm nhà ở với mức 40.000.000 đồng/hộ.

d) Hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác được hỗ trợ chi phí di dời nhà ở với mức 30.000.000 đồng/hộ.

đ) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng nặng (từ 50% trở lên) do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không ở được thì được hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức 20.000.000 đồng/hộ.

e) Trợ cấp đột xuất cho trường hợp trẻ em bị xâm hại, người mắc bệnh nan y phải điều trị dài ngày, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với mức 1.000.000 đồng/đối tượng. Giao Chủ tịch UBND cấp huyện căn cứ vào tình hình cụ thể để xem xét hỗ trợ. *(Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội).*

4. Đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm nuôi dưỡng Người có công và Bảo trợ xã hội; Cơ sở Cai nghiện ma túy và trợ giúp xã hội (không bao gồm người nghiện ma túy) trực thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội ngoài được hưởng chế độ chăm sóc nuôi dưỡng theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 25 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP còn được: Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội khi chết với mức 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội (50 lần x 360.000 đồng).

Các nội dung khác không nêu trong Nghị quyết này thực hiện theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Luật định, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa VIII, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 11 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 8 năm 2021./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ LĐ, TB và Xã hội;
- Cục kiểm tra VBQPPL -Bộ Tư pháp;
- Ban CTĐB của UBTVQH;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Viện KSND, TAND, Cục THADS tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT. HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Phú Yên; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Cao Thị Hòa An